Số: 61/2026/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2026-11-27T11:06:07+07:00

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC BẢNG DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2026/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Bảng 1. Danh mục bảng siêu dữ liệu

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-SDL-TV-001	SDL_Chung	Lưu trữ siêu dữ liệu kỹ thuật mô tả cấu trúc bảng và trường dữ liệu (Thực thể & Phần tử)	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-SDL-TV-002	SDL_ChiTietDuLieu	Lưu trữ siêu dữ liệu chi tiết kỹ thuật cho từng trường dữ liệu (Phần tử) thuộc 3 loại hình: Dữ liệu có cấu trúc / Thuộc tính, Dữ liệu không gian (spatial / GIS data), Dữ liệu phi cấu trúc (PDF, TIFF, JPG, video, scan giấy tờ…)	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
3	NNMT-BTTN-SDL-TV-003	SDL_NhatKyHoatDong	Ghi nhận toàn bộ hoạt động trên dữ liệu để phục vụ truy vết, kiểm toán và giám sát	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4	NNMT-BTTN-SDL-TV-004	SDL_ChatLuongDuLieu	Ghi nhận, lưu kết quả kiểm tra chất lượng dữ liệu (độ chính xác, đầy đủ, kịp thời…)	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
5	NNMT-BTTN-SDL-TV-005	SDL_MoiQuanHe	Mô tả, quản lý mối quan hệ giữa các bảng	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
6	NNMT-BTTN-SDL-TV-006	SDL_PhienBan	Quản lý phiên bản của siêu dữ liệu và cấu trúc dữ liệu	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
7	NNMT-BTTN-SDL-TV-007	SDL_BaoMat	Quản lý thông tin mức độ nhạy cảm, quyền truy cập, chính sách bảo mật và phân quyền	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
8	NNMT-BTTN-SDL-TV-008	SDL_DongChayDuLieu	Theo dõi dòng chảy dữ liệu từ dữ liệu gốc → các lớp khác (DLC, GD, TH, MO), đến đích cuối cùng	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
9	NNMT-BTTN-SDL-TV-009	SDL_DuLieuMo	Lưu siêu dữ liệu đặc tả cho dữ liệu mở (Open Data) - bao gồm license, định dạng công bố, tần suất cập nhật, điều kiện sử dụng	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 2. Danh mục bảng dữ liệu gốc

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-DLG-TV-001	DLG_VanBanCongNhan	Dữ liệu gốc về văn bản thành lập/công nhận, chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên; Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học/cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen và các văn bản khác	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-DLG-TV-002	DLG_DieuTraKiemKeQuanTrac	Dữ liệu gốc về kết quả điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
3	NNMT-BTTN-DLG-TV-003	DLG_BaoCaoDDSH	Dữ liệu gốc về các loại báo cáo đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4	NNMT-BTTN-DLG-TV-004	DLG_KiemTraChuyenNganh	Dữ liệu gốc về báo cáo kết quả kiểm tra công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
5	NNMT-BTTN-DLG-TV-005	DLG_BoSuuTap	Dữ liệu gốc đa phương tiện: hình ảnh sưu tập loài, nguồn gen, mẫu vật di truyền…, dữ liệu âm thanh loài thu nhận từ thiết bị điều tra, quan trắc hiện trường; dữ liệu video hiện trường…	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
6	NNMT-BTTN-DLG-TV-006	DLG_TuLieuLuuTru	Dữ liệu gốc về tư liệu lưu trữ: các loại báo cáo, bản đồ,…	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 3. Danh mục bảng dữ liệu danh mục

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-DM-TV-001	DM_PhanNhomBaoTon	Danh mục phân nhóm khu bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-DM-TV-002	DM_LoaiHinhKhuBaoTon	Danh mục loại hình khu bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
3	NNMT-BTTN-DM-TV-003	DM_LoaiDanhHieuQuocTe	Danh mục loại danh hiệu quốc tế	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4	NNMT-BTTN-DM-TV-004	DM_PhanLoaiIUCN	Danh mục phân loại IUCN	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
5	NNMT-BTTN-DM-TV-005	DM_HeSinhThai	Danh mục phân loại hệ sinh thái	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
6	NNMT-BTTN-DM-TV-006	DM_LoaiDichVuHST	Danh mục loại hình dịch vụ hệ sinh thái	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
7	NNMT-BTTN-DM-TV-007	DM_GioiSinhHoc	Danh mục phân loại học: Giới	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
8	NNMT-BTTN-DM-TV-008	DM_NganhSinhHoc	Danh mục phân loại học: Ngành	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
9	NNMT-BTTN-DM-TV-009	DM_LopSinhHoc	Danh mục phân loại học: Lớp	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
10	NNMT-BTTN-DM-TV-010	DM_BoSinhHoc	Danh mục phân loại học: Bộ	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
11	NNMT-BTTN-DM-TV-011	DM_HoSinhHoc	Danh mục phân loại học: Họ	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
12	NNMT-BTTN-DM-TV-012	DM_ChiSinhHoc	Danh mục phân loại học: Chi	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
13	NNMT-BTTN-DM-TV-013	DM_LoaiSinhHoc	Danh mục phân loại học: Loài	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
14	NNMT-BTTN-DM-TV-014	DM_DuoiLoaiSinhHoc	Danh mục phân loại học: Dưới loài	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
15	NNMT-BTTN-DM-TV-015	DM_NguyCapQuyHiem	Danh mục nguy cấp, quý, hiếm	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
16	NNMT-BTTN-DM-TV-016	DM_PhanNhomNguyCapQuyHiem	Danh mục phân nhóm loài nguy cấp, quý, hiếm	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
17	NNMT-BTTN-DM-TV-017	DM_PhanLoaiDiCu	Danh mục phân loại nhóm loài di cư	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
18	NNMT-BTTN-DM-TV-018	DM_LoaiHinhCoSoBaoTon	Danh mục loại hình cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
19	NNMT-BTTN-DM-TV-019	DM_ChucNangCoSoBaoTon	Danh mục chức năng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
20	NNMT-BTTN-DM-TV-020	DM_PhanLoaiNguonGen	Danh mục phân loại nguồn gen	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
21	NNMT-BTTN-DM-TV-021	DM_LoaiBaoCaoDDSH	Danh mục loại báo cáo đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
22	NNMT-BTTN-DM-TV-022	DM_ChiTieuThongKe	Danh mục chỉ tiêu thống kê	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
23	NNMT-BTTN-DM-TV-023	DM_CoQuanDonVi	Danh mục cơ quan/đơn vị	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
24	NNMT-BTTN-DM-TV-024	DM_LoaiKetQuaDTKKQT	Danh mục loại kết quả điều tra, kiểm kê, quan trắc	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
25	NNMT-BTTN-DM-TV-025	DM_LoaiGiayPhep	Danh mục loại giấy phép	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
26	NNMT-BTTN-DM-TV-026	DM_DVHC	Danh mục đơn vị hành chính (Địa danh hành chính xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố được tham chiếu từ dữ liệu Danh mục tham chiếu quốc gia)	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 4. Danh mục bảng dữ liệu chủ

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-DLC-TV-001	DLC_KhuVucBaoTon	Thông tin khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học khác	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-DLC-TV-002	DLC_KhuHeSinhThai	Thông tin khu hệ sinh thái	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
3	NNMT-BTTN-DLC-TV-003	DLC_HoSoLoai	Thông tin về một loài sinh vật	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4	NNMT-BTTN-DLC-TV-004	DLC_CoSoBaoTon	Thông tin về cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
5	NNMT-BTTN-DLC-TV-005	DLC_CaTheBaoTon	Thông tin về cá thể được bảo tồn	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
6	NNMT-BTTN-DLC-TV-006	DLC_NguonGen	Thông tin nguồn gen	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
7	NNMT-BTTN-DLC-TV-007	DLC_TriThucTruyenThong	Thông tin tri thức truyền thống	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
8	NNMT-BTTN-DLC-TV-008	DLC_MauVatDiTruyen	Thông tin mẫu vật di truyền	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
9	NNMT-BTTN-DLC-TV-009	DLC_SinhVatBienDoiGen	Thông tin sinh vật biến đổi gen/sinh vật chỉnh sửa gen	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 5. Danh mục bảng dữ liệu giao dịch

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-GD-TV-001	GD_GiayPhep	Giấy phép lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-GD-TV-002	GD_HopDongChiTraDichVuHST	Hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
3	NNMT-BTTN-GD-TV-003	GD_HoSo	Hồ sơ lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 6. Danh mục bảng dữ liệu tổng hợp và phân tích

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-TH-TV-001	TH_SoLieuThongKe	Số liệu thống kê	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

Bảng 7. Danh mục bảng dữ liệu mở

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
1	NNMT-BTTN-MO-TV-001	MO_DanhSachKBTTN	Danh sách khu bảo tồn thiên nhiên	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
2	NNMT-BTTN-MO-TV-002	MO_DanhSachDSTNQuocTe	Danh sách di sản thiên nhiên có danh hiệu quốc tế	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

TT	Mã định danh bảng	Tên bảng	Mô tả ngắn gọn	Chủ quản
3	NNMT-BTTN-MO-TV-003	MO_DanhSachCoSoBaoTon	Danh sách cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
4	NNMT-BTTN-MO-TV-004	MO_DanhSachLoaiNguyCapQuyHiem	Danh sách loài nguy cấp, quý, hiếm	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
5	NNMT-BTTN-MO-TV-005	MO_DanhSachLoaiNgoaiLaiXamHai	Danh sách loài ngoại lai xâm hại	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
6	NNMT-BTTN-MO-TV-006	MO_ThongTinGMO	Thông tin sinh vật biến đổi gen/ sinh vật chỉnh sửa gen	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
7	NNMT-BTTN-MO-TV-007	MO_BCHienTrangDDSHQG	Báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học quốc gia	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học